TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAO PHONG** **TỈNH HÒA BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:05/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 21/4/2022
V/v: "*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO PHONG, TỈNH HÒA BÌNH
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đức Thịnh

Các hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Mai và bà Nguyễn Thị Hoa

Thư ký phiên tòa: Bà Phan Ngọc Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Phong.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Phong tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 11/2021/TLST- HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2021 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2022/QĐXX - ST ngày 23 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2022/QĐST – HNGĐ ngày 06/4/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị Nh – Sinh năm 1998 (*có mặt)*

Bị đơn: Anh Bùi Văn B – Sinh năm 1998 (*vắng mặt không có lý do)*

Cùng cư trú tại: Xóm Trẹo 1, xã N, huyện C, tỉnh Hòa Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1/ Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 05/10/2021 và ý kiến tại bản tự khai, nguyên đơn chị Bùi Thị Nh trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Bùi Văn B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện C, tỉnh Hòa Bình ngày 16/4/2018. Sau khi kết hôn anh B chuyển về nhà bố mẹ đẻ của chị Nh ở Xóm Trẹo 1, xã N, huyện Cao Phong, tỉnh Hoà Bình để sinh sống. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do trong thời gian

anh B đi làm ở Hà Nội, anh không quan tâm đến vợ con, cũng ít khi về nhà nên tình cảm vợ chồng phai nhạt dần, mặc dù chị Nh đã cố gắng níu kéo nhưng anh cũng không thay đổi, hiện tại vợ chồng đang sống ly thân. Nay chị Nh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị được ly hôn với anh Bùi Văn B.

Về con chung: Chị Nh và anh B có một con chung cháu tên là Bùi Gia H, sinh ngày 14/12/2017. Nguyện vọng của chị Nh sau khi ly hôn là muốn được trực tiếp nuôi con. Chị Nh chưa đề nghị anh B phải cấp dưỡng tiền nuôi con sau khi ly hôn.

Về tài sản chung, Công nợ chung: Không có, Không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Ngoài ra chị Nh không có yêu cầu gì thêm.

Về phía anh Bùi Văn B: Trong quá trình giải quyết vụ án anh Bùi Văn B thường không có mặt tại địa phương. Toà án đã tiến hành xác minh được biết anh B đi đâu không khai báo với chính quyền địa phương, tuy Nh anh B vẫn về nhà, có nhắn tin và gọi điện với chị Nh, chị chỉ biết hiện tại anh B đang làm ở Hà Nội còn địa chỉ chính xác ở đâu thì chị không rõ. Xét thấy đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ nên Toà án vẫn tiến hành thụ lý, giải quyết theo thủ tục chung.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng không có kết quả, anh B vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến về việc giải quyết vụ án gửi cho Tòa án.

**** Tại biên bản xác minh ngày 08/12/2021của Tòa án nhân dân huyện Cao Phong tại chính quyền địa phương nơi cư trú và gia đình của anh Bùi Văn Bcó nội dung:***

Anh Bùi Văn B và chị Bùi Thị Nh kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình. Anh B sinh ra ở huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình. Sau khi kết hôn anh về chung sống với chị Nh ở nhà bố mẹ đẻ của chị Nh tại xã Nam Phong, huyện Cao Phong, được một thời gian ngắn thì anh đi làm ở Hà Nội, chị Nh ở nhà chăm sóc con. Sau đó giữa hai bên nảy sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do trong khoảng thời gian anh B đi làm ăn ở Hà Nội, tình cảm vợ chồng phai nhạt dần, anh cũng rất ít khi về thăm vợ và con, cũng không hỏi thăm và chu cấp tiền nuôi con, mặc dù đã được

hai bên hòa giải nhưng vợ chồng cũng không thể hàn gắn. Hiện tại vợ chồng đang sống ly thân, vì vậy khả năng đoàn tụ là rất khó.

3/ Tại phiên tòa: Chị Bùi Thị Nh vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với anh Bùi Văn B, chị cho rằng mâu thuẫn chủ yếu dẫn đến việc chị làm đơn xin ly hôn vì không còn tình cảm với anh B, trong khoảng thời gian vợ chồng chung sống với nhau anh B không có trách nhiệm với gia đình, con cái, anh đi làm ăn xa ít khi về thăm vợ con, vợ chồng đang sống ly thân, mâu thuẫn gia đình hết sức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được đề nghị Tòa giải quyết cho chị được ly hôn với anh B.

Về con chung: Quan điểm của chị Nh sau khi ly hôn muốn được trực tiếp nuôi cháu Bùi Gia H, sinh ngày 14/12/2017 vì bản thân anh B là người cha nhưng không quan tâm đến con, cũng như hỏi han, chu cấp nuôi con. Một mình con do chị chăm sóc từ lúc nhỏ. Chị chưa đề nghị anh B phải cấp dưỡng tiền nuôi con sau khi ly hôn.

Về tài sản chung và công nợ chung, không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Nh tự nguyện nộp toàn bộ án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Hòa Bình công nhận việc chấp hành đúng thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Xác định mâu thuẫn giữa chị Nh và anh B đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nh

- Về con chung: Đề nghị giao cháu Bùi Gia H sinh ngày 14/12/2017 cho chị Nh trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Nh chưa đề nghị anh B cấp dưỡng nuôi con và anh B không có quan điểm gì về vấn đề cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn nên đề nghị Hội đồng xét xử chưa xem xét vấn đề cấp dưỡng nuôi con trong vụ án.

- Về tài sản chung: Chị Nh xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

- Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án chị Nh phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án hôn nhân và gia đình "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*". Bị đơn là anh Bùi Văn B có hộ khẩu thường trú tại xóm Trẹo 1, xã N, huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Cao Phong thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành thông báo và tống đạt đầy đủ các văn bản cho các bên đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 175 và Điều 177 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định tại Điều 211 BLTTDS. Tiến hành hòa giải theo quy định tại Điều 205 BLTTDS để hai bên thỏa thuận với nhau việc giải quyết vụ án. Chị Nh đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa, đã được đảm bảo thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình trong quá trình giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Bị đơn là anh Bùi Văn B đã được Tòa án niêm yết các văn bản giấy tờ hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng. Vì vậy căn cứ vào điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự và theo đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Phong là đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật. Nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Nh và anh B được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống chị Nh và anh B không có hạnh phúc nguyên nhân do trong khoảng thời gian anh B đi làm ăn xa, tình cảm vợ chồng phai nhạt dần, anh ít khi về thăm vợ, con cũng như hỏi han, quan tâm đến vợ con, hiện tại vợ chồng anh chị đang sống ly thân từ năm 2018, gia đình chị Nh cũng đã hòa giải nhiều lần, mong muốn cho hai bên đoàn tụ nhưng anh B cũng không thay đổi. Từ những nhận định trên thấy mâu thuẫn

giữa chị Nh và anh B đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không thể đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nh là phù hợp Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống, anh B và chị Nh có 01 con chung là cháu Bùi Gia H, sinh ngày14/12/2017. Hiện nay, chị Nh đang trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục. Vợ chồng ly hôn chị Nh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Gia H vì từ khi sinh cháu H, anh B đi làm ăn xa, không hỏi han, chu cấp nuôi con, chủ yếu do mẹ và bà ngoại chăm sóc, hiện tại chị làm công nhân, lương tháng khoảng 6.000.000đ/tháng nên đủ khả năng kinh tế để nuôi con, mặt khác cháu Huy đang học ở trường mầm non xã Nam Phong nên chị không muốn ảnh hưởng đến môi trường sống và học tập của cháu.

Theo Biên bản xác minh tại Công an xã Nam Phong cho thấy anh B hiện không có mặt ở địa phương, thỉnh thoảng có về nhà rồi lại đi, không khai báo với chính quyền địa phương đi đâu, làm gì. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi và sự phát triển về mọi mặt của con chung cần chấp nhận yêu cầu của chị Nh, giao cháu Bùi Gia Huy cho chị Bùi Thị Nhtrực tiếp nuôi dưỡng.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị Nh chưa đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn, anh B chưa có ý kiến trình bày về cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn nên HĐXX không xem xét là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 luật Hôn nhân và gia đình.

[5]. Về tài sản chung: Chị Bùi Thị Nh xác nhận không có tài sản chung. Nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[6]. Về công nợ chung: Chị Nh xác nhận không có công nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên HĐXX không xem xét.

Anh Bùi Văn Bvắng mặt không có lời khai về tài sản chung và công nợ chung nên HĐXX không xem xét.

[7]. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Chị Bùi Thị Nhphải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

[8]. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản sao bản án được niêm yết hợp lệ.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 58; Điều 81 , 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị Nhđối với anh Bùi Văn Bvề việc tranh chấp ly hôn, nuôi con.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Nh được ly hôn với anh Bùi Văn B

2. Về con chung: Giao cháu Bùi Gia H, sinh ngày 14/12/2017 cho chị Bùi Thị Nh trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Gia H đủ 18 tuổi và có khả năng lao động hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Anh Bùi Văn B chưa phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì quyền lợi về mọi mặt của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật. Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha mẹ đối với con chưa thành niên.

3. Về án phí: Chị Bùi Thị Nh phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001630 ngày 15/10/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cao Phong. Chị Bùi Thị Nh đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo**:** Án xử công khai. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong

thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản sao bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh HB;
-VKSND huyện CP;
-Chi cục THADS huyện CP;
-Nơi đăng ký kết hôn;
-Các đương sự;
-Lưu VP, hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN -CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Đức Thịnh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

6. Về quyền kháng cáo:Án xử công khai. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án, hoặc ngày niêm yết bản sao bản án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**